TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2021/DS-ST
Ngày: 05 – 5 - 2021
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Míp Niê và bà Nguyễn Thị Chinh

- Thư ký phiên tòa: bà Lương Thị Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Bà Lê Trịnh Xuân Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2021/TLST- DS ngày 26 tháng 01 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐST - DS ngày 22 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/QĐST – DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần P.

Địa chỉ: Số 45 - 47 Lê Duẩn, phường B, quận A, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang Đ - Nhân viên phòng giao dịch E, Ngân hàng thương mại cổ phần P (Giấy ủy quyền ngày 23/3/2021, có mặt).

Địa chỉ: Số 101 N, Thị trấn E, huyện E, Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Ông Hà Văn N và bà Lò Thị T

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Lương Thị C và anh Hà Văn D (ắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Quang Đ trình bày:

Ngày 22/10/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P - Phòng giao dịch E (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với ông bà Hà Văn N - Lò Thị T đã ký kết hợp đồng tín dụng số 1199/2019/HĐTD - OCB - CN với nội dung: Ngân hàng cho vợ chồng ông bà N - T vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân, phương thức trả nợ theo kỳ, trả mỗi năm 01 kỳ, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là ngày 15/10/2020. lãi suất trả 06 tháng 01 lần, mức lãi trong hạn là 11%/năm. Mục đích vay để

sản xuất cà phê. Cùng ngày ký kết hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân cho ông N và bà T số tiền 200.000.000đ.

Tài sản thế chấp để bảo đảm khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 26, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K, thuộc quyền sử dụng của ông bà Hà Văn N - Lò Thị T, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 780651, do UBND huyện Krông Năng cấp ngày 25/07/2010, mang tên Hà Văn N và Lò Thị T. Việc thế chấp được ký kết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0406/2014/BĐ ngày 22/10/2014 và được đăng ký bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Sau khi vay thì gia đình ông N chỉ trả được 01 kỳ tiền lãi với số tiền là 11.160.548đ, còn số nợ gốc và số nợ lãi tiếp theo hiện nay hộ ông N vẫn chưa trả nợ cho ngân hàng, mặc dù đã quá hạn trả nợ gốc 01 kỳ và quá hạn trả nợ lãi.

Tính đến ngày 04/01/2021 (Ngày ngân hàng làm đơn khởi kiện) ông N và bà T còn nợ ngân hàng số tiền là 218.362.320đ (Hai trăm mười tám triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm hai mươi đồng), trong đó: Tiền nợ gốc: 200.000.000đ; tiền nợ lãi 18.362.320đ

Do ông N và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nên ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Hà Văn N và bà Lò Thị T trả tổng số tiền tính đến ngày xét xử (05/5/2021) là 227.492.147đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn một trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó, tiền gốc: 200.000.000 đồng; tiền nợ lãi là 27. 492.147đ (Lãi trong hạn: 23.700.415đ; lãi quá hạn: 3.791.732đ) và đồng thời phải chịu tiền lãi phát sinh theo theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 06/5/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp, ông Hà Văn N và bà Lò Thị T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng đề nghị được quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ,

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hà Văn N và bà Lò Thị T trình bày:

Ông bà công nhận ngày 22/10/2019 giữa vợ chồng ông bà với Ngân hàng đã ký kết hợp đồng tín dụng số 1199/2019/HĐTD - OCB - CN với nội dung: Ngân hàng cho vợ chồng ông bà vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân, phương thức trả nợ theo kỳ, trả mỗi năm 01 kỳ, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là ngày 15/1/10/2020, lãi suất trả 06 tháng 01 lần. Mục đích vay để sản xuất cà phê.

Tài sản thế chấp để bảo đảm khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 780651, do UBND huyện Krông Năng cấp ngày 25/07/2010, mang tên Hộ ông Hà Văn N và bà Lò Thị T.

Sau khi vay thì gia đình chúng tôi đã trả được 01 kỳ tiền lãi, còn số nợ gốc và số nợ lãi tiếp theo hiện nay gia đình ông bà vẫn chưa trả nợ cho ngân hàng, mặc dù đã quá hạn trả nợ gốc 01 kỳ và quá hạn trả nợ lãi.

Do gia đình ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc ngân hàng khởi kiện vợ chồng ông bà là hoàn toàn đúng. Do điều kiện mất mùa, nên hiện nay ông bà không có khả năng trả nợ cho ngân hàng.

Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, trong đó trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các

quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập thì bà Lương Thị C và anh Hà Văn D là thành viên hộ gia đình ông N và đã trên 18 tuổi, tài sản thế chấp để bảo đảm tiền vay là tài sản của hộ gia đình. Căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định bà C và anh D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P và vợ chồng ông bà Hà Văn N - Lò Thị T đã xác lập giao dịch vay tiền. Do ngân hàng cho rằng ông N và bà T không trả nợ đúng hạn nên đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định tranh chấp giữa ngân hàng với ông N và bà T là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

- Về số lượng nợ: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất về thời điểm xác lập giao dịch vay tiền và số tiền vay, số tiền đã trả. Căn cứ vào tài liệu do các đương sự cung cấp và ý kiến, yêu cầu của các đương sự đã có cơ sở xác định:

Ngân hàng thương mại cổ phần P cho vợ chồng ông bà Hà Văn N - Lò Thị T vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân, phương thức trả nợ theo kỳ, trả mỗi năm 01 kỳ, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là ngày 15/10/2020, trả lãi 06 tháng lần. Tính đến thời điểm ngân hàng khởi kiện tại Tòa án thì hộ ông Như mới trả được 01 kỳ tiền lãi, chưa trả nợ gốc và nợ lãi tiếp theo. Kể từ thời điểm ngân hàng khởi kiện đến nay ông N và bà T không tiếp tục thực hiện việc trả nợ. Như vậy, HĐXX xác định ông N và bà T còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 200.000.000đ và tiền lãi phát sinh.

- Về thời hạn trả nợ: Khoản vay giữa ngân hàng với ông N và bà T được hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc, lãi theo phân kỳ, ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 15/10/2020. Đến thời điểm ngân hàng khởi kiện thì ông N và bà T đã quá hạn trả nợ gốc 01 kỳ và quá hạn trả nợ lãi nhiều kỳ, việc ông N và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo phân kỳ như đã cam kết và cũng không bàn giao tài sản thế chấp cho ngân hàng để xử lý nợ là đã vi phạm thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều 282 BLDS. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên cần buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ và phải chịu lãi suất trong hạn và quá hạn theo nội dung đã thỏa

thuận tại hợp đồng tín dụng. Vì vậy việc ngân hàng chuyển thành nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu trả toàn bộ số nợ gốc và lãi là có căn cứ.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự và Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần P, buộc ông Hà Văn N và bà Lò Thị T phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử (05/5/2021) là 227.492.147đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn một trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó, tiền gốc: 200.000.000đ; tiền nợ lãi là 27.492.147đ, đồng thời buộc ông N và bà T phải chịu lãi suất tiếp theo theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng, kể từ ngày 06/5/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền ông N và bà T đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 780651, do UBND huyện K cấp ngày 25/07/2010, mang tên Hà Văn N và Lò Thị T. Như vậy khoản vay của ông N và bà T tại ngân hàng có tài sản bảo đảm. Vì vậy nếu ông N và bà T không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông N và bà T để thu hồi nợ.

[4]. Về án phí: Ông N và bà T là thành viên thuộc hộ cận nghèo, nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P:

1. Buộc ông Hà Văn N và bà Lò Thị T phải liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P tổng số tiền là 227.492.147đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn một trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 200.000.000đ; tiền nợ lãi là 27.492.147đ.

Kể từ ngày 06/5/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông Hà Văn N và bà Lò Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 1199/2019/HĐTD - OCB - CN ngày 22/10/2019.

Sau khi ông Hà Văn N và bà Lò Thị T trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần P, thì Ngân hàng thương mại cổ phần P có nghĩa vụ trả lại cho ông N và bà T giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 780651, do UBND huyện K cấp ngày 25/07/2010, mang tên hộ ông Hà Văn N và bà Lò Thị T.

Trường hợp ông N và bà T không trả hoặc trả không hết nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần P được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp mà ông N và bà T đã thế chấp tại ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0406/2014/BĐ ngày 22/10/2014, để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Hà Văn N và bà Lò Thị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền 5.459.000đ (Năm triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2019/0015148 ngày 14/01/2021.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN